

BÁO CÁO

Sơ kết 02 năm thực hiện trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Ngày 16 tháng 7 năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 56). Thực hiện quy định tại Khoản 2, Điều 6 của Nghị định số 56, ngày 15 tháng 8 năm 2014 Bộ Nội vụ có Công văn số 3273/BNV-TH hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định nêu trên. Căn cứ báo cáo của 19 Bộ, ngành và 44 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có phụ lục đính kèm), Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình 02 năm thực hiện trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị định số 56 như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 56**1. Công tác tuyên truyền, tập huấn****a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

Các Bộ, ngành Trung ương đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định số 56 thông qua nhiều hình thức, trong đó chủ yếu thông qua tổ chức tập huấn kết hợp với các hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ các cơ quan; phổ biến lồng ghép trong các buổi đối thoại, chuyên đề, hội thảo. Nhiều Bộ đã chỉ đạo các cơ quan truyền thông của ngành như báo, tạp chí để thông tin, tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với phụ nữ, phổ biến nội dung Nghị định và các hoạt động phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Bộ Công an giao Tổng cục Xây dựng lực lượng Công an nhân dân tổ chức tập huấn lãnh đạo, các Phòng Công tác đảng và công tác quần chúng toàn lực lượng. Công an các đơn vị, địa phương đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến bằng

các hình thức đăng tải lên trang web, biên tập thành tài liệu phục vụ nghiên cứu, đồng thời tổ chức hàng trăm đợt tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật lồng ghép nội dung Nghị định. Tương tự, Bộ Quốc phòng tổ chức triển khai hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ và hội viên phụ nữ nội dung của Nghị định, gắn các nội dung của Nghị định với sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị.

b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp tổ chức tuyên truyền Nghị định số 56 đến các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan đóng trên địa bàn; hình thức chủ yếu thông qua tổ chức hội nghị, tập huấn, tọa đàm, lồng ghép trong các hội thi tìm hiểu pháp luật và qua các phương tiện thông tin đại chúng. Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, xã chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức quán triệt nội dung của Nghị định số 56 đến cán bộ, công chức, viên chức thông qua các cuộc họp, các buổi làm việc và sinh hoạt đoàn thể tại cơ sở.

Nhìn chung, hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 56 được thực hiện sâu rộng trong các cấp Hội Phụ nữ. Trong 02 năm kể từ ngày Nghị định có hiệu lực, các cấp Hội Phụ nữ ở cơ sở tổ chức nhiều lớp tập huấn và các cuộc tuyên truyền, phổ biến trong đó có nội dung Nghị định số 56, như: Trà Vinh (3.440 cuộc), Quảng Ngãi (7.173 cuộc), Đắc Nông (70 lớp), Yên Bái (58 lớp), Hà Giang (211 cuộc, 4 lớp), Điện Biên (24 lớp), Quảng Bình (13 lớp)... Ngoài ra, Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiều tỉnh, thành phố đã chuyển tải nội dung Nghị định trong tài liệu sinh hoạt hội viên phụ nữ hàng năm và trang thông tin điện tử của Hội.

2. Việc ban hành các văn bản có liên quan để triển khai Nghị định số 56

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Để hướng dẫn thực hiện Nghị định thống nhất trong các cơ quan, tổ chức liên quan, ngày 18 tháng 7 năm 2013 Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch số 2543/KH-BNV để triển khai Nghị định số 56, trong đó quy định các nội dung triển khai thực hiện, trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, tổ chức như: Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp; quy định trách nhiệm và thời hạn gửi báo cáo định kỳ.

Trên cơ sở nội dung Nghị định số 56, Bộ Công an ban hành Thông tư quy định trách nhiệm của công an đơn vị, địa phương trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Phụ nữ trong công an nhân dân tham gia quản lý nhà nước; đồng thời chỉ đạo Hội Phụ nữ Bộ Công an có hướng dẫn để xây dựng kế hoạch thực hiện

cụ thể. Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56 tại các cơ quan, đơn vị trong quân đội.

b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Theo hướng dẫn tại Kế hoạch số 2543/KH-BNV của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ xây dựng Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân và Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp. Qua báo cáo, đến nay đã có 39 tỉnh, thành phố xây dựng Quy chế (có phụ lục đính kèm).

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố như: Đà Nẵng, Bình Phước, Quảng Ngãi ban hành Quyết định quy định trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp tham gia quản lý nhà nước; một số tỉnh, thành phố xây dựng Kế hoạch để triển khai Nghị định như: Cao Bằng, Bến Tre, Bình Thuận, Đồng Tháp, Hà Nam, Hải Phòng, Kiên Giang, Sóc Trăng; tỉnh Bạc Liêu xây dựng Kế hoạch để tổ chức kiểm tra, giám sát phong trào và công tác Hội lồng ghép kiểm tra việc triển khai thực hiện quy chế phối hợp; tỉnh Quảng Ninh xây dựng Chương trình phối hợp công tác hàng năm với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xây dựng và tổ chức ký kết Quy chế phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp, kết quả cho thấy công tác xây dựng quy chế phối hợp tại cấp cơ sở đã thực hiện tương đối sâu rộng: Quảng Ngãi (14/14 huyện; 175/184 xã), Bắc Ninh (4/8 huyện), Long An (15/15 huyện, 192/192 xã), Hòa Bình (9/11 huyện), Hà Nam (6/6 huyện, 110/116 xã), Lâm Đồng (12/12 huyện), Hải Dương (2/12 huyện), Gia Lai (14/17 huyện, 146/222 xã), Tây Ninh (7/9 huyện), Hải Phòng (7/14 huyện), Ninh Bình (8/8 huyện, 106/145 xã), Kon Tum (6 huyện), Phú Thọ (13/13 huyện), Hậu Giang (5/7 huyện), Bà Rịa – Vũng Tàu (8/8 huyện, 82/82 xã), Trà Vinh (4/8 huyện), Tiền Giang (10/11 huyện, 169/173 xã).

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả triển khai Nghị định và công tác phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị định, đồng thời ban hành Kế hoạch để thực hiện và chỉ đạo các huyện, thị xã trên địa bàn xây dựng kế hoạch để thực hiện ở cấp cơ sở; tỉnh Kon Tum tổ chức tổng kết Chương trình phối hợp giữa Hội Liên hiệp Phụ nữ với Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn 2005 - 2010 và xây dựng chương trình phối hợp giai đoạn 2011 - 2015.

Qua báo cáo, hầu hết Hội Liên hiệp Phụ nữ các tỉnh, thành phố đã xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện Nghị định số 56 và tổ chức tuyên truyền, phổ biến để thực hiện Nghị định trong các cấp Hội cơ sở.

c) Kết quả thực hiện các nội dung của Nghị định số 56

a) Về thực hiện trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Thực hiện quy định tại Điều 3 Nghị định số 56, các Bộ, ngành Trung ương đã mời Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến phụ nữ và trẻ em, như: Nghị định của Chính phủ quy định một số nội dung về quy hoạch và tạo nguồn đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của cá nhân người lao động hoặc cộng đồng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; Nghị định về cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực dạy nghề...; đồng thời tổ chức xin ý kiến Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quá trình xây dựng các văn bản pháp luật quan trọng, như: Hiến pháp năm 2013, Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật đất đai (sửa đổi); Luật việc làm và một số văn bản hướng dẫn thi hành...tập trung góp ý sâu một số điều liên quan trực tiếp đến công tác phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; liên quan đến vai trò, vị thế của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đã phối hợp, tạo điều kiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về phụ nữ, trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới, như: Tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới trong nhà trường; kiến thức pháp luật giáo dục chuyên đổi hành vi về xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc và phòng, chống bạo lực gia đình; về ngăn ngừa, xử lý và ứng phó với các hành vi liên quan đến bạo lực gia đình và bạo lực trong trường học; tuyên truyền, phổ biến các chương trình, dự án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phụ nữ và trẻ em; tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên phụ nữ trên địa bàn đóng quân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, góp phần thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an ninh của địa phương và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở... Đồng thời, mời đại diện Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành việc thực hiện pháp luật về phụ nữ và trẻ em, như: Đoàn đi kiểm tra công tác bình đẳng giới tại các Bộ, ngành, địa phương theo phân công của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam; Đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành về thực hiện Đề án tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Một số Bộ, ngành, như: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban Dân tộc đã phối hợp chặt chẽ với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, chủ động mời Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước trong các lĩnh vực có liên quan, như: Triển khai Đề án nghề công tác xã hội, Đề án trợ giúp người khuyết tật; tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong các cấp Hội Phụ nữ Bộ Công an; sơ kết 03 năm thực hiện Đề án “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (giai đoạn 2010 - 2015) trong công an nhân dân”; phối hợp nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, kiểm tra chính sách đặc thù dành cho phụ nữ dân tộc thiểu số; phối hợp tổ chức các hoạt động hội thảo, hội nghị bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân tộc cho cán bộ nữ, cán bộ Hội; hỗ trợ, tạo điều kiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia các hoạt động quốc tế và quốc gia về giới, bình đẳng giới theo thẩm quyền, như: Tham gia các phiên thảo luận về quyền phụ nữ tại Khóa họp 25 của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc; phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi các cuộc họp của Ủy ban địa vị của phụ nữ (CSW), Tổ chức phụ nữ của Liên hợp quốc (UNWOMEN), tổ chức Hội nghị Phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài.

Một số Bộ, ngành căn cứ chức năng quản lý nhà nước của mình đã phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố giao Hội Phụ nữ của địa phương thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước cụ thể, như: Thực hiện kế hoạch duy tu bảo dưỡng đường giao thông nông thôn sử dụng viện trợ không hoàn lại của DFID thuộc Dự án GTNT3 tại các địa phương; hoạt động dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và kiểm tra, giám sát các hoạt động của chương trình tại các cấp cơ sở; tham gia vào quá trình điều tra, rà soát, bình xét hộ nghèo; thực hiện các mô hình tiết kiệm, vay vốn...

Nhiều Bộ có đại diện Lãnh đạo tham gia Ban chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các chính sách của ngành đối với phụ nữ và việc lấy ý kiến của đại diện Trung ương Hội trong quá trình xây dựng luật pháp, chính sách. Tuy nhiên, do tính chất công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, một số cơ quan báo cáo không có nhiều hoạt động gắn với việc phối hợp hoạt động cùng Hội Liên hiệp Phụ nữ như: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.

b) Về thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Thực hiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 56, Ủy ban nhân dân các cấp trong thời gian qua đã thực hiện tốt các nội dung sau:

- Mời Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia các hoạt động quản lý nhà nước

Việc thực hiện trách nhiệm các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong việc tạo điều kiện cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 56 được thực hiện tương đối rõ ở địa phương, nhất là tại cấp tỉnh. Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp được mời tham gia các hoạt động quản lý nhà nước với tư cách là thành viên chính thức trong các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, Tổ tư vấn cho cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong tỉnh, thành phố về các lĩnh vực có liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em như: Chương trình mục tiêu việc làm và xuất khẩu lao động; chương trình mục tiêu giảm nghèo; chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi và vùng sâu, vùng xa; chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em công tác bảo vệ đấu tranh về nhân quyền trong tình hình mới; chương trình đưa trẻ em lang thang về với gia đình và hòa nhập cộng đồng; chương trình xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới; Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo; Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật; Hội thẩm nhân dân; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Đoàn kiểm tra về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Đoàn phúc tra về xây dựng xã, phường, thị trấn văn hóa; Hội đồng Nghĩa vụ quân sự; Hội đồng giáo dục Quốc phòng và An ninh; Hội đồng hòa giải; Ban Chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở...

Qua thống kê cho thấy số lượng các Ban Chỉ đạo, Hội đồng, Tổ tư vấn, Đoàn kiểm tra... do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập có thành viên là Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố khá đa dạng, như: Quảng Ngãi (10 Hội đồng, 3 Ban Chỉ đạo), Bạc Liêu (05 Hội đồng), Đà Nẵng (17 Hội đồng, Tổ công tác), Lâm Đồng (20 Hội đồng, Ban Chỉ đạo), Hải Dương (8 Hội đồng, 28 đoàn kiểm tra, giám sát), Thanh Hóa (7 Hội đồng), Bắc Giang (6 Hội đồng, Ban Chỉ đạo), Bình Thuận (3 Ban Chỉ đạo)... Theo đánh giá của một số tỉnh, thành phố đã phối hợp chặt chẽ với Hội Liên hiệp Phụ nữ (như Quảng Ngãi, Hòa Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lâm Đồng, Trà Vinh, Hải Phòng), vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp thể hiện rõ nét nhất trong việc tham gia các hoạt động quản lý nhà nước liên quan đến giải quyết việc làm, cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ được mời tham gia các cuộc họp giao ban các khối đoàn thể để phản ánh hoạt động phong trào của Hội cũng như vấn đề liên quan; tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện của chính quyền các cấp về các chế độ, chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em, như: Kiểm tra về vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội, xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa; các cơ sở đạt chuẩn y tế xã phường, cùng ngành giáo dục phòng, chống tiêu cực trong kỳ thi tốt nghiệp; kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính

sách với lao động nữ; việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; việc thực hiện Bộ luật Lao động ở các doanh nghiệp có đông lao động nữ; Luật Bảo hiểm y tế, Luật Hôn nhân và Gia đình; giám sát việc trồng lúa, keo giống và con trâu cái giống thuộc Chương trình 30 tại các địa phương; tham gia giám sát việc cấp, phát quà tết cho người nghèo; giám sát việc chi trả đền bù; tham gia vận động nhân dân hiến đất mở đường... Qua đó, Hội Liên hiệp Phụ nữ đã đề xuất đóng góp nhiều ý kiến quan trọng trong quá trình thực hiện các chương trình, chính sách nêu trên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp được mời tham dự các cuộc họp quan trọng để thảo luận, đề xuất ý kiến trong việc thực hiện Nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách quan trọng tại địa phương như: Chính sách giải quyết việc làm cho lao động nữ, chương trình hành động vì trẻ em, chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, kế hoạch vận động Quỹ bảo trợ trẻ em, Chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi...

- Thực hiện chế độ làm việc định kỳ và Quy chế về mối quan hệ phối hợp

Theo báo cáo, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố đã thực hiện tốt chế độ làm việc định kỳ hàng năm, nội dung làm việc tập trung vào việc tổ chức họp kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện Quy chế phối hợp và bàn về nhiệm vụ, biện pháp phối hợp hoạt động thời gian tiếp theo. Tuy nhiên, các tỉnh, thành phố cũng phản ánh nhiều nơi chưa thực hiện nghiêm túc chế độ làm việc định kỳ giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã với Hội Liên hiệp Phụ nữ tại cơ sở.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho các cấp Hội hoạt động

Việc cấp kinh phí cho hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, đồng thời chính quyền các cấp cũng quan tâm tạo điều kiện thuận lợi kinh phí, phương tiện, cơ sở vật chất cho Hội Phụ nữ hoạt động. Hầu hết Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh có trụ sở làm việc riêng và trang thiết bị đầy đủ như máy vi tính, tủ, bàn, ghế làm việc, một số nơi được trang bị xe ô tô, cấp kinh phí sửa chữa trụ sở, mua sắm trang thiết bị làm việc, hỗ trợ thành lập các Trung tâm trực thuộc và hỗ trợ kinh phí ngoài định mức để tạo điều kiện cho Hội hoạt động.

Tuy nhiên, tại cấp huyện và nhất là cấp xã, đa số Hội Phụ nữ được bố trí làm việc chung với các đoàn thể (Hội nông dân, cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc, đoàn thanh niên). Tại tỉnh Kon Tum có 36/102 cơ sở Hội cấp huyện chưa có phòng làm việc riêng và một số cơ sở Hội không có máy vi tính và làm chung với các đoàn thể khác; tỉnh Quảng Bình có 2/8 Hội cấp huyện có trụ sở riêng, 6 Hội còn lại làm việc chung trong khối đoàn thể; tại cấp xã, như tỉnh Bắc Ninh có

67/126 Hội có phòng làm việc riêng; tỉnh Thanh Hóa có 324/637 Hội có phòng làm việc riêng, 81/637 cơ sở Hội được trang bị máy tính và 24 cơ sở có điện thoại bàn.

Ngoài ngân sách chi thường xuyên cho hoạt động các cấp Hội, Ủy ban nhân dân các cấp còn quan tâm hỗ trợ, bổ sung kinh phí cho các hoạt động khác của Hội như: Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Các cấp chính quyền cũng tạo điều kiện cho Hội Phụ nữ xây dựng quỹ Hội bằng nhiều hình thức. Tại một số tỉnh, thành phố như: Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp huyện, xã được Ủy ban nhân dân cùng cấp hỗ trợ và ưu tiên trong việc xét cấp đất, giao đất phát triển kinh tế trang trại, cho vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ kinh phí tổ chức các hoạt động của Hội.

- Về trách nhiệm của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp trong việc tham gia quản lý nhà nước

Song song với việc các cấp chính quyền mời Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng cấp tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, các cấp Hội chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành tại địa phương như y tế, giáo dục, dân số, văn hóa, tư pháp, công an, tài nguyên môi trường ... thực hiện công tác liên tịch nhằm tuyên truyền, giáo dục, vận động phụ nữ tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, như: Phối hợp tổ chức Hội nghị tập huấn tuyên truyền luật pháp liên quan đến phụ nữ, bình đẳng giới; phối hợp với Sở Nội vụ để triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp; ký kết Chương trình liên tịch triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 – 2015, định hướng đến năm 2020; phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến văn bản luật, tổ chức tuyên truyền pháp luật tại cơ sở cho hội viên phụ nữ.

Theo đánh giá của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, nhìn chung các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, tổ chức nhiều tọa đàm, trao đổi, thu thập ý kiến rộng rãi trong các cấp Hội để tham gia đóng góp ý kiến trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản luật có liên quan; tích cực triển khai nhiều biện pháp chỉ đạo thực hiện các hoạt động phối hợp, phát huy vai trò trong tham gia thực hiện quy chế dân chủ và công tác phối hợp liên tịch với các ngành trên nhiều lĩnh vực, góp phần đem lại hiệu quả cho các phong trào địa phương cũng như của cấp Hội.

Với vai trò là thành viên chính thức của các Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã làm tốt vai trò của mình, giúp chính quyền trong việc phát hiện vấn đề, nghiên cứu và đề xuất những chính sách phù hợp, góp ý các chương trình hoạt động xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Trong tham gia ý kiến, các cấp Hội Liên

hiệp Phụ nữ đã coi trọng chú ý lồng ghép yếu tố giới vào các chương trình, chiến lược, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt được

Trong 02 năm qua, việc triển khai thực hiện Nghị định số 56 đã tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp về vai trò của các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức trong việc tạo điều kiện để các cấp Hội thể hiện vai trò, trách nhiệm của mình trong hoạt động quản lý nhà nước. Chính quyền và Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã chủ động hơn trong việc phối hợp hoạt động, trở thành cơ chế làm việc thường xuyên và từng bước thể chế hóa mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước và các cấp Hội Phụ nữ, hoạt động tham gia quản lý nhà nước của các cấp Hội đã có những chuyển biến rõ nét, vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ từng bước được nâng lên.

Nhiều Bộ, ngành, địa phương đã tích cực, chủ động thực hiện tốt trách nhiệm của mình trong việc phối hợp, tạo điều kiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước. Công tác chỉ đạo, phối hợp thực hiện nhiệm vụ được thực hiện nghiêm túc từ hai phía các cơ quan nhà nước và các cấp Hội. Các ý kiến tham gia góp ý của Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ bản đúng với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn, bảo đảm vấn đề bình đẳng giới, phụ nữ, gia đình và trẻ em. Hoạt động của tổ chức Hội tại cơ sở đều gắn với các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương, được các cấp chính quyền tạo điều kiện, mang lại hiệu quả thiết thực.

2. Những mặt còn hạn chế

Tại một số Bộ, ngành Trung ương, việc triển khai thực hiện Nghị định còn hình thức, chưa thường xuyên. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa quán triệt đầy đủ các nội dung của Nghị định số 56, một số nơi còn nhầm lẫn giữa việc mời Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước với việc mời Ban vì sự tiến bộ phụ nữ hoặc Ban nữ công tham gia hoạt động quản lý nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình.

Công tác phối hợp giữa các cấp chính quyền với Hội Phụ nữ ở cơ sở chưa được coi trọng, thiếu chặt chẽ; một số nơi chưa chấp hành nghiêm túc chế độ làm việc theo định kỳ, đặc biệt là cấp xã và những vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, dẫn đến việc phát huy vai trò của Hội Phụ nữ trong việc tham gia hoạt động quản lý nhà nước chưa cao.

Hoạt động của tổ chức Hội các cấp cơ sở chưa đồng đều, chưa phát huy hết vai trò của Hội trong việc tham gia phản biện, xây dựng cơ chế, chính sách, kiểm tra, giám sát những vấn đề có liên quan; chất lượng ý kiến tham gia đóng

góp của Hội Phụ nữ trong các Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Tổ tư vấn... của địa phương còn nhiều hạn chế.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí cấp cho các cấp Hội hoạt động tại một số nơi còn hạn chế, mức đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện hoạt động khác cho Hội chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động của Hội.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, chính quyền về vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp chưa đầy đủ, chưa đề cao trách nhiệm chỉ đạo phối hợp và tạo điều kiện cho các cấp Hội tham gia quản lý nhà nước.

Đội ngũ cán bộ Hội, nhất là ở cơ sở năng lực còn yếu, thiếu kiến thức quản lý nhà nước nên chưa chủ động tham mưu, đề xuất hoặc chất lượng tham mưu, đề xuất chưa phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu.

Do nguồn kinh phí còn hạn chế, nên các cấp Hội gặp khó khăn trong việc triển khai các hoạt động lớn, các chương trình hành động, các đề án thuộc thẩm quyền của tổ chức Hội. Điều kiện kinh tế - xã hội của một số địa phương, nhất là các xã vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, vì vậy kinh phí dành cho hoạt động của các tổ chức Hội trên địa bàn còn hạn chế.

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị định số 56 và Quy chế phối hợp của các Bộ, ngành và địa phương chưa được quan tâm thực hiện.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 56

1. Các cấp, các ngành tiếp tục chỉ đạo, quán triệt và triển khai sâu rộng Nghị định số 56 tới cán bộ, công chức, viên chức và các cấp Hội Phụ nữ nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc triển khai thực hiện Nghị định.

2. Cơ quan quản lý nhà nước và các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ tăng cường tính chủ động và tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn trong việc triển khai thực hiện Nghị định số 56 để sự phối hợp trở thành cơ chế làm việc thường xuyên, tạo nên phương thức hoạt động hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước, đồng thời chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của phụ nữ và trẻ em.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động rà soát các Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Tổ công tác, Ban soạn thảo, Tổ biên tập... thực hiện các hoạt động có liên quan đến phụ nữ và trẻ em để mời Hội Phụ nữ cùng cấp tham gia làm thành


viên; đồng thời phối hợp tạo điều kiện để Hội Liên hiệp Phụ nữ cùng kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định số 56.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục phối hợp với Hội Phụ nữ cùng cấp xây dựng, hoàn thiện Quy chế về mối quan hệ công tác phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

5. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp chủ động nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị các biện pháp, chính sách để phát huy vai trò của mình trong các hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương; chủ động phối hợp kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách, luật pháp có liên quan đến phụ nữ, trẻ em; định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng, phương pháp tham gia quản lý nhà nước đối với đội ngũ cán bộ Hội các cấp.

6. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định này tại các Bộ, ngành và địa phương, tránh tình trạng hình thức, chiếu lệ trong việc triển khai thực hiện.

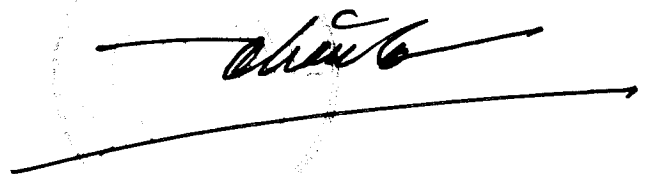
7. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định số 56 trong năm 2017.

Trên đây là Báo cáo tình hình 02 năm thực hiện trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ, Bộ Nội vụ báo cáo Thủ tướng Chính phủ. / 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Trung ương Hội LHPNVN (để phối hợp);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu: VT, TH (05).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Thăng

BỘ NỘI VỤ**DANH SÁCH**

Gửi Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP
(Kèm theo Báo cáo số ~~5234~~ BC-BNV ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nội vụ)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Đã gửi Báo cáo	Địa phương đã xây dựng Quy chế phối hợp
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ		
1	Bộ Quốc phòng	x	
2	Bộ Công an	x	
3	Bộ Ngoại giao	x	
4	Bộ Tư pháp		
5	Bộ Tài chính		
6	Bộ Công Thương	x	
7	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	x	
8	Bộ Giao thông vận tải	x	
9	Bộ Xây dựng	x	
10	Bộ Thông tin và Truyền thông		
11	Bộ Giáo dục và Đào tạo	x	
12	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x	
14	Bộ Nội vụ	x	
15	Bộ Y tế	x	
16	Bộ Khoa học và Công nghệ		
17	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
18	Bộ Tài nguyên và Môi trường	x	
19	Văn phòng Chính phủ		
20	Thanh tra Chính phủ		
21	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	x	
22	Ủy ban Dân tộc	x	
23	Đài Tiếng nói Việt Nam		
24	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh		
25	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	x	
26	Thông tấn xã Việt Nam	x	
27	Đài Truyền hình Việt Nam		
28	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	x	
29	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	x	
30	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam		

II	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
1	TP.Hà Nội		x ^(*)
2	Hà Giang	x	x
3	Cao Bằng	x	x
4	Bắc Kạn	x	x
5	Tuyên Quang	x	x
6	Lào Cai		
7	Điện Biên	x	x
8	Lai Châu		x ^(*)
9	Sơn La		
10	Yên Bái	x	
11	Hòa Bình	x	x
12	Thái Nguyên		
13	Lạng Sơn		x ^(*)
14	Quảng Ninh	x	
15	Bắc Giang	x	x
16	Phú Thọ	x	x
17	Vĩnh Phúc		
18	Bắc Ninh	x	x
19	Hải Dương	x	
20	TP.Hải Phòng	x	x
21	Hung Yên	x	x
22	Thái Bình		
23	Hà Nam	x	
24	Nam Định		
25	Ninh Bình	x	x
26	Thanh Hóa	x	
27	Nghệ An	x	
28	Hà Tĩnh		
29	Quảng Bình	x	x
30	Quảng Trị		
31	Thừa Thiên Huế	x	x
32	TP.Đà Nẵng	x	x
33	Quảng Nam		
34	Quảng Ngãi	x	x
35	Bình Định		
36	Phú Yên	x	x

37	Khánh Hòa		
38	Ninh Thuận	x	x
39	Bình Thuận	x	x
40	Kon Tum	x	
41	Gia Lai	x	x
42	Đắk Lắk		
43	Đắk Nông	x	
44	Lâm Đồng	x	x
45	Bình Phước	x	x
46	Tây Ninh	x	x
47	Bình Dương		
48	Đồng Nai		
49	Bà Rịa – Vũng Tàu	x	x
50	TP Hồ Chí Minh		x ^(*)
51	Long An	x	x
52	Tiền Giang	x	x
53	Bến Tre	x	x
54	Trà Vinh	x	x
55	Vĩnh Long		
56	Đồng Tháp	x	x
57	An Giang	x	x
58	Kiên Giang	x	x
59	TP.Cần Thơ	x	x
60	Hậu Giang	x	x
61	Sóc Trăng	x	x
62	Bạc Liêu	x	x
63	Cà Mau	x	

Ghi chú: x^(*) là đơn vị chưa gửi Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 56 nhưng đã gửi Quy chế về Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp./.

lưu

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4949**/BC-BNV

Hà Nội, ngày **20** tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO

**Số liệu nữ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp
cuối nhiệm kỳ 2011 - 2016**

Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020, Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia; để tiếp tục xây dựng chính sách, thể chế về công tác cán bộ nữ giai đoạn tiếp theo và thực hiện Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) tại Việt Nam về tăng cường bình đẳng giới và nâng cao năng lực, vị thế cho phụ nữ; trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Nội vụ báo cáo số lượng, cơ cấu độ tuổi và tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi thống kê

Phạm vi thống kê gồm:

- a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.
- b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Đối tượng thống kê

Đối tượng thống kê là cán bộ, công chức nữ giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan nhà nước ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định tại Quyết định số 56/2011/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia và Thông tư số 07/2012/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia; Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới cấp tỉnh, huyện, xã, cụ thể gồm các chức danh sau:

- a) Ở Trung ương: Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương, Tổng cục trưởng và tương đương, Phó Tổng cục trưởng và tương đương, Vụ trưởng và

tương đương, Phó Vụ trưởng và tương đương, Cấp Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc, Cấp Phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc.

b) Ở cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Giám đốc Sở và tương đương, Phó Giám đốc Sở và tương đương.

c) Ở cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

d) Ở cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

(Sau đây gọi chung các đối tượng nêu trên là nữ lãnh đạo, quản lý).

3. Số lượng, chất lượng báo cáo thống kê

Đến nay, Bộ Nội vụ nhận được đầy đủ báo cáo số liệu của 30 bộ, ngành và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Về cơ bản, báo cáo của các cơ quan, đơn vị bảo đảm chất lượng, cung cấp đầy đủ, chi tiết số liệu theo yêu cầu. Tuy nhiên, do một số ít cơ quan, đơn vị thống kê thiếu dữ liệu tổng số lãnh đạo chính quyền dẫn đến chênh lệch không đáng kể trong số liệu tổng hợp.

II. KẾT QUẢ THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU ĐỘ TUỔI NỮ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

1. Ở Trung ương

a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Bộ trưởng (1 người), Thứ trưởng và tương đương (13 người): 14/178 người, chiếm 7,86%.

Nữ giữ chức danh Tổng cục trưởng và tương đương (1 người), Phó Tổng cục trưởng và tương đương (12 người), Vụ trưởng và tương đương (118 người), Phó Vụ trưởng và tương đương (559 người), Cấp Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc (105 người), Cấp Phó Vụ trưởng và tương đương của các đơn vị trực thuộc (455 người): 1250/7343 người, chiếm 17,02%.

Qua thống kê cho thấy, tỷ lệ nữ lãnh đạo cấp Tổng cục trưởng trở xuống đạt tỷ lệ cao ở các cơ quan: Thông tấn xã Việt Nam (41,76%), Bộ Tư pháp (31,17%), Đài tiếng nói Việt Nam (25,25%), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (24,03%). Hầu hết các bộ, ngành đều có tỷ lệ nữ giữ chức danh Phó Vụ trưởng và tương đương đạt mức cao hơn so với các chức danh còn lại.

Tỷ lệ này đạt thấp ở các cơ quan: Bộ Công an (1,89%), Thanh tra Chính phủ (6,90%), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (8,90%), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (9,23%), Bộ Giao thông vận tải (9,36%).

b) Về cơ cấu độ tuổi

Chức vụ	Cấp Vụ trưởng và tương đương trở lên			Cấp Phó Vụ trưởng và tương đương trở xuống		
	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	3,88%	44,45%	51,67%	10,93%	54,44%	34,63%

Đối với chức danh cấp Vụ trưởng trở lên, tỷ lệ nữ lãnh đạo trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất; trong đó các Bộ Công an, Giáo dục và Đào tạo, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Ủy ban Dân tộc có 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ trưởng trở lên trên 50 tuổi. Tuy nhiên, tại một số cơ quan như Đài Truyền hình Việt Nam có 80% nữ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ trưởng dưới 40 tuổi; một số Bộ có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ trưởng chủ yếu ở độ tuổi 40 đến dưới 50 tuổi, như: Bộ Giao thông vận tải (100%), Bộ Tư pháp (100%), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (70%), Thông tấn xã Việt Nam (70%), Bộ Khoa học và Công nghệ (66,66%), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (66,66%), Bộ Y tế (66,66%).

Đối với chức danh cấp Phó Vụ trưởng trở xuống, độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao (54,44%), trong đó Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh có từ 90% trở lên nữ lãnh đạo, quản lý cấp Phó Vụ trưởng trở xuống ở độ tuổi này. Với độ tuổi dưới 40, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra Chính phủ có tỷ lệ nữ giữ chức danh này đạt cao, đều trên 30%.

2. Ở cấp tỉnh

a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân (1 người), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (15 người), Giám đốc Sở và tương đương (126 người), Phó Giám đốc Sở và tương đương (550 người): 692/5814 người, chiếm 11,90%.

Các tỉnh, thành phố Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Hải Phòng, Cần Thơ có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh đạt mức cao, lần lượt là: 25,76%; 24,39%; 19,05%; 18,31%; 18%. Trong khi đó, các tỉnh, thành phố Hà Nội, Quảng Ngãi, Bạc Liêu có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý đạt thấp, đều dưới 5%.

b) Về cơ cấu độ tuổi

Độ tuổi	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	12,42%	40,76%	46,82%

Theo thống kê, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh chiếm tỷ lệ cao nhất ở độ tuổi trên 50 tuổi, chênh lệch nhẹ so với tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý ở độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi; cơ cấu nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi còn thấp. Trong đó, tỉnh Sơn La có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ cao (87,5%); tiếp đến là các tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Hòa Bình có tỷ lệ trên 70% nữ lãnh đạo, quản lý có độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi; tỉnh Khánh Hòa, Điện Biên có đa số nữ lãnh đạo, quản lý từ 50 tuổi trở lên, chiếm trên 80%.

3. Ở cấp huyện

a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân (26 người), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (223 người): 249/2495 người, chiếm 9,98%.

Một số tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện cao đạt từ 20% trở lên gồm: Bình Dương (24,24%), Thành phố Hồ Chí Minh (22,45%), Ninh Bình (20,69%), Bắc Kạn (20%), Trà Vinh (20%). Các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Tĩnh, Phú Yên, Gia Lai, Bến Tre có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện đạt thấp, đều dưới 5%.

Các tỉnh Cà Mau, Bình Thuận, Bình Định không có nữ lãnh đạo, quản lý tại cấp này.

b) Về cơ cấu độ tuổi

Độ tuổi	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	17,22%	51,32%	31,46%

Theo thống kê, độ tuổi của nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện chiếm tỷ lệ cao trong khoảng từ 40 đến dưới 50 tuổi. Tương tự như cấp tỉnh, nữ lãnh đạo, quản lý trẻ, dưới 40 tuổi còn chiếm tỷ lệ thấp tại cấp huyện.

Các tỉnh Sơn La, An Giang, Điện Biên, Lào Cai có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện trẻ dưới 40 tuổi với tỷ lệ lần lượt là 88,88%, 66,66%, 50%, 50%. Trong khi đó, 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện ở độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi, gồm Tuyên Quang, Lai Châu, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Bến Tre, Kiên Giang, Hậu Giang. Đồng thời, trên 70% nữ lãnh đạo, quản lý các tỉnh, thành phố Yên Bái, Hải Phòng, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đồng Nai cũng ở trong độ tuổi này.

4. Ở cấp xã

a) Về số lượng

Nữ giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân (572 người), Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (2458 người): 3030/29224 người, chiếm 10,37%.

Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã cao nhất (chiếm 32,18%). Tiếp theo là các tỉnh, thành phố Đà Nẵng (25,79%), Bình Dương (25,40%), Đồng Nai (24,80%), Bến Tre (21,29%). Nhiều tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã đạt thấp dưới 5%, trong đó phần lớn là các tỉnh, thành phố tại miền Bắc.

b) Về cơ cấu độ tuổi

Độ tuổi	Dưới 40 tuổi	Từ 40 – dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi trở lên
Tỷ lệ	56,24%	32,75%	11,01%

Tại cấp xã, nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã ở độ tuổi dưới 40 chiếm tỷ lệ cao, điển hình là ở các tỉnh, thành phố Sơn La, Hà Nam, Quảng Nam, Ninh Thuận, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau đều đạt tỷ lệ trên 80%. Tại các tỉnh Thái Bình, Phú Thọ, Thái Nguyên, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi chiếm tỷ lệ thấp (dưới 3%). Cá biệt, tỉnh Thái Bình không có nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi và 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện có độ tuổi trên 50 tuổi; tỉnh Thái Nguyên có 2,43% nữ lãnh đạo, quản lý cấp xã và 100% nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện có độ tuổi trên 50 tuổi.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp còn thấp và chủ yếu ở vị trí cấp phó trong nhiệm kỳ 2011 - 2016

Theo thống kê từ báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, cho đến nay tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp đạt tỷ lệ thấp, dao động trong khoảng trên dưới 10% (ở Trung ương đạt 7,87% đối với nữ lãnh đạo chủ chốt các bộ, ngành và 17,02% đối với nữ lãnh đạo, quản lý từ cấp Tổng cục Trưởng trở xuống; ở cấp tỉnh đạt 11,90%, cấp huyện đạt 9,98%, cấp xã đạt 10,37%).

Tại Trung ương, trong tổng số 1250 nữ lãnh đạo, quản lý từ cấp Tổng cục trưởng trở xuống, chức danh Tổng cục trưởng và tương đương chiếm 0,08%, chức danh Phó Tổng cục trưởng và tương đương chiếm 0,96%, chức danh Vụ trưởng và tương đương chiếm 9,44%, chức danh Phó Vụ trưởng và tương đương chiếm 44,72%, chức danh cấp Vụ trưởng của các đơn vị trực thuộc chiếm 8,40%, chức danh cấp Phó Vụ trưởng của các đơn vị trực thuộc chiếm 36,40%.

Trong tổng số 692 nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 0,14%, chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 2,17%, chức danh Giám đốc Sở chiếm 18,21%, chức danh Phó Giám đốc Sở chiếm 79,48%. Tại cấp huyện, trong tổng số 249 nữ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 10,44%, chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 89,56%. Tại cấp xã, trong tổng số 3030 nữ lãnh đạo, quản lý, chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 18,88%, chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân chiếm 81,12%.

2. Cơ cấu độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý có sự phân hóa rõ ở mỗi cấp theo xu hướng càng ở cấp thấp thì tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi càng cao; tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi ở cấp Trung ương còn thấp

Ở Trung ương, độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý chủ yếu trên 50 tuổi đối với cấp Vụ trưởng trở lên và trong khoảng từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi đối với cấp Phó Vụ trưởng. Tuy nhiên, cơ cấu nữ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi còn thấp, tỷ lệ dưới 40 tuổi đạt 3,88% ở cấp Vụ trưởng trở lên và 10,79% ở cấp Phó Vụ trưởng trở xuống.

Tại các địa phương, ở độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý có xu hướng trẻ dần theo cấp tỉnh, huyện, xã: Ở cấp tỉnh, nữ lãnh đạo, quản lý trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (46,82%); trong khi đó ở cấp huyện, độ tuổi nữ lãnh đạo, quản lý chủ yếu ở độ tuổi từ 40 đến dưới 50 tuổi (51,32%) và ở cấp xã, nữ lãnh đạo, quản lý chủ yếu dưới 40 tuổi (56,24%).

3. Tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý không đồng đều giữa các bộ, ngành Trung ương; giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và có sự chênh lệch khá rõ theo vùng, miền

Tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý không đồng đều giữa các bộ, ngành và giữa các tỉnh, thành phố. Tỷ lệ này dao động trong khoảng từ 1,89% đến 41,75% giữa các bộ, ngành Trung ương và trong khoảng từ 4,21% đến 25,75% ở cấp tỉnh, 0% đến 24,24% ở cấp huyện, 1,42% đến 32,18% ở cấp xã. Trong đó, Thông tấn xã Việt Nam, Bộ Tư pháp, Đài Tiếng nói Việt Nam có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp Tổng cục trưởng trở xuống đạt tỷ lệ cao, chiếm trên 25%; trong 60 tỉnh, thành phố có báo cáo, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Kon Tum, tỉnh Đồng Nai có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý đạt tỷ lệ cao ở cả ba cấp. Đặc biệt, các tỉnh miền núi gồm Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Kon Tum đều nằm trong số 10 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh cao trong cả nước.

Theo cơ cấu vùng, miền, miền Bắc có tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý cao nhất, sau đó đến Miền Trung và Miền Nam, bao gồm cả ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: Về tỷ lệ chung, tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý của miền Bắc chiếm 40,63%, miền Trung chiếm 32,57%, miền Nam chiếm 26,80%; theo cấp hành

chính, tỷ lệ lãnh đạo cấp tỉnh của miền Bắc, Trung, Nam lần lượt là 40,24%, 29,84%, 29,92%; cấp huyện: 39,25%, 33,35%, 27,40%; cấp xã: 40,83%, 33%, 26,17%.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Căn cứ thực trạng nữ lãnh đạo, quản lý các cấp nêu trên, Bộ Nội vụ kiến nghị, đề xuất như sau:

1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ:

a) Tiếp tục quan tâm, chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới trong công tác cán bộ, nhất là trong xây dựng thể chế, chính sách để thúc đẩy bình đẳng giới và tạo nguồn nữ lãnh đạo, quản lý các cấp trong nhiệm kỳ tiếp theo.

b) Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tích cực đẩy mạnh thực hiện công tác cán bộ nữ và Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020 nhằm đạt được mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đề ra trong việc tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

2. Đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

a) Đẩy mạnh quán triệt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới để tạo nhận thức, hành động thống nhất trong cơ quan, đơn vị và trong ngành, lĩnh vực phụ trách.

b) Quan tâm tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ nữ; có biện pháp, chương trình hành động cụ thể để tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý tại bộ, ngành Trung ương giai đoạn 2016 – 2021; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện công tác cán bộ nữ theo thẩm quyền.

c) Chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ đề xuất biện pháp, chính sách nhằm tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý trong ngành, lĩnh vực mình phụ trách giai đoạn 2016 – 2021.

3. Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới để tạo nhận thức, hành động thống nhất trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Chỉ đạo tổ chức thực hiện các biện pháp để bảo đảm bình đẳng giới trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bổ nhiệm đối với nữ cán bộ, công

chức, viên chức tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa phương; chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể để tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp trên địa bàn.

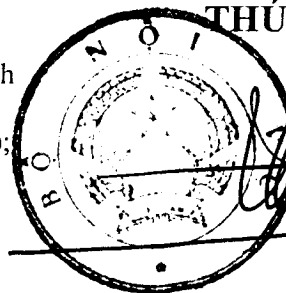
c) Chủ động phối hợp tinh ủy, thành ủy và Bộ Nội vụ đề xuất biện pháp, chính sách nhằm tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý các cấp giai đoạn 2016 - 2021.

Trên đây là báo cáo tổng hợp số liệu nữ lãnh đạo, quản lý chính quyền các cấp cuối nhiệm kỳ 2011 – 2016, Bộ Nội vụ xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ./..xal

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để biết);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để biết);
- Ban Tổ chức Trung ương (để biết);
- Trung ương Hội LHPNVN;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu: VT, TH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trọng Thừa